TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 17/2023/HNGĐ - ST Ngày: 26 - 6 - 2023 V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thơm;

Bà Trịnh Thị Cúc;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 14/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị D - sinh năm 1994; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Anh Cao Văn D1 - sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh D1 tự do tìm hiểu, tổ chức cưới theo phong tục địa phương vào năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không

có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị D được giải quyết ly hôn với anh D1.

Về con chung: Chị D và anh D1 có 01 con chung, là cháu Cao Thị Thu H - sinh ngày 29/7/2012. Nay chị D đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh D1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị D không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Cao Văn D1: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D1 nhưng anh từ chối không nhận, anh D1 không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xử cho chị D được ly hôn với anh D1.

Về yêu cầu nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của đương sự và cháu H để giao con theo quy định, cần giao cháu Cao Thị Thu H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản, công nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Cao Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Do bị đơn anh Cao Văn D1 có nơi cư trú tại phường T, thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn là đúng quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Cao Văn D1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh D1 vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng và trở ngại khách quan; nguyên đơn chị Cao Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b, khoản 2,

Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D1 và chị D.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh D1 đã thực hiện lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, việc kết hôn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả chị và anh không vi phạm các quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết nhưng anh D1 vẫn vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện anh D1 không mong muốn vợ chồng hòa giải những bất đồng để quay về đoàn tụ, không tha thiết với cuộc sống hôn nhân. Như vậy, mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyện vọng xin ly hôn của chị D là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận với ý kiến của Kiểm sát viên, cho chị Cao Thị D được ly hôn anh Cao Văn D1 là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị D và anh D1 có 01 con chung, là cháu Cao Thị Thu H - sinh ngày 29/7/2012. Nay chị D đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.

Xét thấy việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Cháu H mong muốn được ở với mẹ, nguyện vọng của chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu nên cần giao cháu H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, về nguyện vọng nuôi con của chị D là phù hợp và có căn cứ.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh D1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét đây là ý chí tự nguyện của chị D, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Cao Thị D phải chịu, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cao Thị D về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Cao Văn D1.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Cao Thị D được ly hôn với anh Cao Văn D1;

Về con chung: Giao cháu Cao Thị Thu H cho chị Cao Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Anh D1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Cao Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0013477 ngày 06/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị D đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, chị Cao Thị D và anh Cao Văn D1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS TP. Sầm Sơn;
- UBND phường T;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.